
CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-5
Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	7-37
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	14-36
Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000395 ngày 20 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 7 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do các thay đổi về người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và thông tin chi nhánh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7: 191.999.680.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại : 0210.3 846 619
Fax : 0210.3 847 729
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 6 5 2 3

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ)	Số 183 Lý Thường Kiệt, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 2600106523-002
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng	Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Mã số chi nhánh: 2600106523-003
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại TP Hà Nội	Nhà số 43, phố Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Mã số chi nhánh: 2600106523-005

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết: Kinh doanh than nhiên liệu chất đốt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
- Khai khoáng chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác caolin, fenspat./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huy	Chủ tịch
Ông Dương Quốc Chính	Ủy viên
Ông Đỗ Phúc Viện	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)*****Ban Kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015
Ông Bùi Nhân Chương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Ngân Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015
Ông Hà Văn Doanh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015
Ông Tạ Quang Vững	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc
Ông Dương Quốc Chính	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Đỗ Phúc Viện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kiều Sơn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Quang Vững	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Số : 0606.01.01/2015/NVT-BCTC
Ngày : 10 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMC, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2015 từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2014-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Hồ Xuân Hà

GCNĐKHNTK số: 1603-2014-124-1

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

13/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		324.434.134.128	380.739.157.768
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.343.694.783	151.788.198.664
1. Tiền	111		19.343.694.783	151.788.198.664
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.284.151.035	48.993.659.657
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	22.805.742.533	14.743.215.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	22.551.938.787	34.609.866.671
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.076.499.647	1.697.641.718
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2.150.029.932)	(2.057.064.539)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		237.634.101.826	179.269.710.540
1. Hàng tồn kho	141	V.6	237.634.101.826	179.269.710.540
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.172.186.484	687.588.907
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.961.129.911	664.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.186.495.598	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	24.560.975	23.588.907
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		456.728.892.728	274.981.476.653
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		248.428.107.223	263.822.895.395
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	248.428.107.223	263.822.895.395
Nguyên giá	222		565.284.955.765	559.125.096.188
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(316.856.848.542)	(295.302.200.793)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		203.114.619.024	5.217.776.896
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.10	1.324.124.319	1.324.124.319
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	201.790.494.705	3.893.652.577
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.186.166.481	5.940.804.362
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.186.166.481	5.940.804.362
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		781.163.026.856	655.720.634.421

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		526.769.134.002	414.787.465.662
I. Nợ ngắn hạn	310		306.438.891.038	296.619.428.224
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	138.491.929.832	83.072.308.413
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.289.295.098	2.516.595.239
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8.111.006.087	14.324.606.581
4. Phải trả người lao động	314		4.645.500.000	8.627.851.035
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.292.807.050	2.880.704.578
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	8.736.272.346	7.569.430.828
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	137.464.191.022	177.194.951.549
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	4.407.889.603	432.980.001
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		220.330.242.964	118.168.037.438
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		86.400.000	86.400.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	220.243.842.964	118.081.637.438
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254.393.892.854	240.933.168.759
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	254.393.892.854	240.933.168.759
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		191.999.680.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		191.999.680.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.116.344.710	10.266.344.710
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.019.649.947	20.019.649.947
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.258.218.197	50.647.174.102
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	50.647.174.102
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.258.218.197	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		781.163.026.856	655.720.634.421

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bình Minh

Kế toán trưởng



Dương Quốc Chính

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc


Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		315.718.176.646	301.702.410.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.047.752.789	5.024.823.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	296.670.423.857	296.677.586.972
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	240.612.237.791	242.732.825.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.058.186.066	53.944.761.523
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	268.705.200	45.242.781
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.801.957.535	9.967.254.381
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.570.857.920	9.922.137.034
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.985.788.038	3.373.300.701
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.554.463.078	15.089.163.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.984.682.615	25.560.286.028
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.096.605.065	1.014.553.717
12. Chi phí khác	32	VI.8	64.712.860	1.187.633.523
13. Lợi nhuận khác	40		2.031.892.205	(173.079.806)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.016.574.820	25.387.206.222
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	7.758.356.623	5.846.464.744
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.258.218.197	19.540.741.478
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.273	1.521

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bình Minh

Kế toán trưởng

Dương Quốc Chính

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.016.574.820	25.387.206.222
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	21.615.260.582	18.723.387.936
- Các khoản dự phòng	03	92.965.393	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	135.655.873	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(268.705.200)	(45.242.781)
- Chi phí lãi vay	06	9.570.857.920	9.922.137.034
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	66.162.609.388	53.987.488.411
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(29.530.191.157)	(17.910.965.344)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(58.364.391.286)	(29.009.715.051)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	26.415.627.695	46.254.011.186
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(536.487.204)	(252.367.994)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.748.925.832)	(10.630.529.832)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.622.371.690)	(8.532.107.757)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.672.584.500)	(4.496.742.921)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.896.714.586)	29.409.070.698
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(167.726.567.754)	(19.442.799.569)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	268.705.200	45.242.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(167.457.862.554)	(19.397.556.788)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	373.495.135.235	230.422.042.707
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(311.090.064.924)	(277.085.193.462)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.517.006.250)	(1.353.583.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	54.888.064.061	(48.016.733.909)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(132.466.513.079)	(38.005.219.999)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	151.788.198.664	51.044.804.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	22.009.198	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	19.343.694.783	13.039.584.070

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bình Minh

Kế toán trưởng



Dương Quốc Chính

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc


Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh: Vật liệu xây dựng (gạch ngói, các loại tấm lợp...) đường ống thoát nước và phụ kiện nước, thiết bị gia công chế biến gỗ dân dụng và gỗ xây dựng, cầu kiện đúc sẵn, bê tông thương phẩm; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp, lắp đặt đường điện chiếu sáng, trang trí nội thất ngoại thất; Đầu tư kinh doanh nhà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiến Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại nhà máy CMC2 – Khu Công nghiệp Thụy Vân – thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong kỳ căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Theo Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐTN-2015 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên ngày 09 tháng 5 năm 2015 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014.

Trích lập các quỹ

Trích lập quỹ đầu tư phát triển
Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi

Cộng

Kỳ này

5.000.000.000

1.000.000.000

4.694.649.463

10.694.649.463

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Doanh nghiệp thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam, ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30/6/2015: 21.780 VND/USD.
24.202 VND/EUR.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.076.230.657	482.253.303
Tiền gửi ngân hàng	18.267.464.126	151.305.945.361
Cộng	19.343.694.783	151.788.198.664

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng Hợp Vĩnh Phú	1.695.666.109	227.014.199
Công ty TNHH Hương Tài	4.265.005.094	1.902.379.708
Công ty TNHH Đại Thanh	1.121.642.849	-
Công ty TNHH Gia công Gạch trang trí Vạn Thuận	868.250.348	1.762.404.700
Các đối tượng khác	14.855.178.133	10.851.417.200
Cộng	22.805.742.533	14.743.215.807

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vinatop	-	14.244.901.679
Hãng Foshan Gemco	-	2.603.283.086
Công ty Cổ phần Tân Minh Phát	3.455.923.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Liên Việt Phú Thọ	5.675.160.900	3.870.002.500
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Thanh Thanh Bình	2.711.775.000	-
Hãng Tecnoexamina S.P.A	-	3.257.000.640
Hãng Sacmi Hongkong LTD	-	3.096.665.095
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Công nghiệp	-	5.420.607.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phúc Tiến	3.949.830.400	-
Công ty Cổ phần Lilama 3.4	535.399.020	-
Công ty TNHH Máy xây dựng Hải Âu	1.872.000.000	-
Hãng Billion Vast Industry, ltd	2.392.568.000	-
Các đối tượng khác	1.959.282.467	2.117.406.671
Cộng	22.551.938.787	34.609.866.671

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	469.579.488		246.179.488	
Ký quỹ ngắn hạn	38.000.000		38.000.000	
Tổng Công ty Sông Hồng	694.740.506	543.150.502	694.740.506	543.150.502
Công trình Chợ Vinh chưa quyết toán- Công ty Xây dựng số 1- Tổng Sông Hồng	584.352.672	584.352.672	584.352.672	584.352.672
Công ty CP Liên Việt Phú Thọ	1.000.000.000			
Trường đào tạo Tổng Sông Hồng	50.000.000		50.000.000	
Phải thu ngắn hạn khác	239.826.981		84.369.052	
Cộng	3.076.499.647	1.127.503.174	1.697.641.718	1.127.503.174

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	2.150.029.932	2.057.064.539
Số cuối năm	2.150.029.932	2.057.064.539

Tình hình biến động nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	2.057.064.539
Số trích trong kỳ	92.965.393
Số cuối kỳ	2.150.029.932

Chi tiết số dư các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi xem tại Phụ lục 1

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	146.866.034.339	109.720.130.839
Công cụ, dụng cụ	1.773.894.567	1.300.256.903
Thành phẩm	85.399.371.010	64.518.013.132
Hàng hóa	3.594.801.910	3.731.309.666
Cộng	237.634.101.826	179.269.710.540

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí vật tư, sửa chữa

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	664.000.000
Tăng trong kỳ	1.629.129.911
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(332.000.000)
Số cuối kỳ	1.961.129.911

8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Là thuế Xuất, nhập khẩu nộp thừa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	127.598.861.353	411.153.700.109	18.830.980.181	1.541.554.545	559.125.096.188
Tăng do mua sắm mới	-	6.182.613.600	-	43.863.636	6.226.477.236
Giảm khác	-	-	-	(66.617.659)	(66.617.659)
Số cuối kỳ	127.598.861.353	417.336.313.709	18.830.980.181	1.518.800.522	565.284.955.765
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	20.152.647.987	186.517.462.366	4.707.853.191	582.197.761	211.960.161.305
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	45.714.619.443	235.979.573.576	12.547.980.351	1.060.027.423	295.302.200.793
Tăng do khấu hao trong năm	5.731.819.360	14.403.553.072	1.380.095.538	99.792.612	21.615.260.582
Giảm khác	-	-	-	(60.612.833)	(60.612.833)
Số cuối kỳ	51.446.438.803	250.383.126.648	13.928.075.889	1.099.207.202	316.856.848.542
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	81.884.241.910	175.174.126.533	6.282.999.830	481.527.122	263.822.895.395
Số cuối kỳ	76.152.422.550	166.953.187.061	4.902.904.292	419.593.320	248.428.107.223

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 265.211.668.626 VND và 201.708.525.865 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

Là giá trị dở dang công trình Nam Trung Yên do Chi nhánh Hà Nội thi công cho Tổng Công ty Sông Hồng nhưng chưa quyết toán được.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Tăng khác (vốn hóa chi phí lãi vay)	Số cuối kỳ
Nhà máy Sản xuất số 2 CMC- giai đoạn 2	3.893.652.577	177.541.421.291	2.548.548.419	183.983.622.287
Cải tạo dây chuyền gạch ốp lát CMC 1		8.259.573.420		8.259.573.420
Cải tạo dây chuyền gạch thẻ CMC 1		3.539.817.180		3.539.817.180
Khối lượng hoàn thành lần 1 Hạng mục nhà kho CMC 1		6.007.481.818		6.007.481.818
Cộng	3.893.652.577	195.348.293.709	2.548.548.419	201.790.494.705

Toàn bộ tài sản dở dang được hình thành trong tương lai của Nhà máy gạch số 2 CMC – giai đoạn 2 được dùng đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất trả trước	5.940.804.362	754.637.881	5.186.166.481
Cộng	5.940.804.362	754.637.881	5.186.166.481

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Kinh doanh Frit Thừa Thiên Huế	3.575.675.400	3.709.728.000
Công ty Cổ phần Vinatop	8.116.331.063	
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Lan	23.470.531.338	22.134.085.864
Hãng Foshan Gemco	14.133.083.493	
Công ty TNHH Hoàn Cường	11.454.337.377	7.777.420.911
Công ty Cổ phần Tâm Thành	3.204.508.288	6.803.366.074
Công ty TNHH Trang Anh	5.215.083.390	1.140.184.650
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Giang	6.686.570.642	-
Công ty TNHH Nam Giang Phú Thọ	2.354.026.600	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao HTA	2.697.336.400	-
Công ty TNHH Hồng Đô Vĩnh Phúc	3.313.270.565	-
Các đối tượng khác	54.271.175.276	41.507.522.914
Cộng	138.491.929.832	83.072.308.413

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thiên An Phú	321.735.706	694.764.600
Công ty TNHH TLG Thăng Long	423.600.912	10.352.662
Công ty Cổ phần Xuân Phương	226.775.467	73.933.600
Các đối tượng khác	317.183.013	1.737.544.377
Cộng	1.289.295.098	2.516.595.239

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT phải nộp	1.087.710.103	18.449.086.842	19.455.671.895	81.125.050
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(23.588.907)	30.624.401	31.596.469	(24.560.975)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.073.458.030	7.758.356.623	12.622.371.690	5.209.442.963
Thuế thu nhập cá nhân	500.878.527	564.013.774	563.284.484	501.607.817
Các loại thuế khác	34.940.501	4.000.000	4.000.000	34.940.501
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.627.619.420	-	343.729.664	2.283.889.756
Cộng	14.301.017.674	45.853.806.657	53.075.207.050	8.086.445.112

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	334.926.510	441.167.983
Chiết khấu thương mại phải trả các đại lý	2.957.880.540	2.439.536.595
Cộng	3.292.807.050	2.880.704.578

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.312.766.309	1.162.766.309
Bảo hiểm xã hội	1.504.498.081	408.751.107
Công ty TNHH Đại Thanh	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.062.371.000	579.377.250
Phải trả tiền đảm bảo trách nhiệm của người lao động	40.000.000	48.000.000
Tiền ủng hộ của Công nhân viên	358.775.702	263.571.702
Phải trả, phải nộp khác	3.816.636.956	4.106.964.460
Cộng	8.736.272.346	7.569.430.828

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	124.751.776.337	124.751.776.337	147.090.170.132	147.090.170.132
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (a)	63.705.199.891	63.705.199.891	69.383.259.633	69.383.259.633
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thị xã Phú Thọ (b)	49.129.039.217	49.129.039.217	59.398.925.596	59.398.925.596
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì (c)	11.917.537.229	11.917.537.229	18.307.984.903	18.307.984.903
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.615.959.625	5.615.959.625	6.878.894.937	6.878.894.937
Vay dài hạn đến hạn trả	7.096.455.060	7.096.455.060	23.225.886.480	23.225.886.480
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì	7.096.455.060	7.096.455.060	23.225.886.480	23.225.886.480
Cộng	137.464.191.022	137.464.191.022	177.194.951.549	177.194.951.549

(a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2014/HĐTD ngày 24 tháng 06 năm 2014; hạn mức vay vốn 85 tỷ đồng; hạn mức mở L/C 25 tỷ đồng; trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn và dư nợ mở L/C chưa đến hạn thanh toán, dư bảo lãnh thanh toán dự kiến thanh toán bằng vốn vay tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 25 tháng 06 năm 2013; lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm vay.

(b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 14250808/2014 - HĐTDHM/NHCT244 - CTCPCMC ngày 21 tháng 8 năm 2014; Tổng mức dư nợ vay cùng với các số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 60 tỷ đồng. Mục đích sử dụng tiền vay để sản xuất, kinh doanh gạch ốp lát các loại; lãi suất cho vay trong hạn là lãi được ghi trên từng giấy nhận nợ, được xác định và điều chỉnh theo quy định thỏa thuận.

(c): Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 14/DN-ĐB/NHHM 445 ký ngày 10/09/2014 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì với Công ty Cổ phần CMC có tổng hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch ốp lát. Thời hạn rút vốn không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời hạn cho vay tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn (theo từng giấy nhận nợ). Lãi suất cho vay quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn trả lãi vay vào 26 hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng khác (lãi tiền vay nhập gốc)	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	147.090.170.132	269.025.052.638	-	291.363.446.433	124.751.776.337
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	69.383.259.633	164.729.167.292	-	170.407.227.034	63.705.199.891
Ngân hàng Công thương - CN TX Phú Thọ	59.398.925.596	72.019.322.851	-	82.289.209.230	49.129.039.217
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì	18.307.984.903	32.276.562.495	-	38.667.010.169	11.917.537.229
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	6.878.894.937	-	26.374.688	1.289.310.000	5.615.959.625
Vay dài hạn đến hạn trả	23.225.886.480	-	-	16.129.431.420	7.096.455.060
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì	23.225.886.480	-	-	16.129.431.420	7.096.455.060
Cộng	177.194.951.549	269.025.052.638	26.374.688	308.782.187.853	137.464.191.022

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	432.980.001	4.694.649.463	1.672.584.500	3.455.044.964
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	952.844.639	-	952.844.639
Cộng	432.980.001	5.647.494.102	1.672.584.500	4.407.889.603

20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	220.243.842.964	220.243.842.964	118.081.637.438	118.081.637.438
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (a)	101.587.372.596	101.587.372.596	11.261.527.070	11.261.527.070
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (b)	25.752.924.428	25.752.924.428	13.916.564.428	13.916.564.428
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì (c)	92.903.545.940	92.903.545.940	92.903.545.940	92.903.545.940
Cộng	220.243.842.964	220.243.842.964	118.081.637.438	118.081.637.438

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ theo:

(a1): Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1229002/HĐTD ngày 24 tháng 04 năm 2012, thời hạn vay 42 tháng; lãi suất trong hạn là lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành cộng chi phí huy động vốn tăng thêm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 03 máy in trang trí m/c Rotocolor evolution, 01 máy mài cạnh khô và 05 xe nâng hàng.

(a2): Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 14251005/2014 ngày 08 tháng 11 năm 2014, tổng mức cho vay là 194 tỷ đồng, thời hạn vay 72 tháng; Mục đích của khoản vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý, hợp pháp của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy gạch số 2 CMC - Giai đoạn 2. Lãi suất cho vay đối với các khoản vay bằng đồng Việt Nam trong 9 tháng đầu tiên là 8,7%; 24 tháng tiếp theo lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,6%/năm; các tháng còn lại lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3%/năm. Lãi suất cho vay đối với các khoản vay bằng đồng ngoại tệ theo quy định của Ngân hàng Công thương tại từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng:

+ Nhà xưởng, các công trình xây dựng khác hình thành trong tương lai: Nhận làm tài sản đảm bảo bổ sung đến khi tài sản hình thành hoặc được cấp GCN QSDĐ tại lô B10 và B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi tài sản được hình thành hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhận tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành.

+ Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai: Bao gồm nhưng không giới hạn máy móc, dây chuyền thiết bị của nhà máy gạch CMC số 2 - giai đoạn 2.

+ Lò nung con lăn đầu tư trong giai đoạn 2 để thay thế lò sấy đã có trong giai đoạn 1.

(b) Khoản vay TMCP Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ theo:

(b1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐ ngày 15 tháng 8 năm 2013 để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất gạch Ceramic, số tiền vay tối đa 25.800.000.000 VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi); thời hạn vay là 48 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng, thời gian trả nợ là 45 tháng; lãi suất cho vay VND là lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi suất cho vay USD là lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án sau khi đầu tư.

(b2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐ ngày 17 tháng 01 năm 2014 để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất gạch Ceramic, số tiền vay tối đa 6.586.000.000 VND; thời hạn vay 48 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng, thời gian trả nợ là 45 tháng, lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC ngày 17 tháng 01 năm 2014, là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo dự án đầu tư đã được duyệt, tổng giá trị thế chấp được dự toán là 9.964.000.000 VND.

(b3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2014/399109/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2014, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Mục đích vay là để đầu tư thiết bị cải tạo sản xuất gạch thẻ ốp tường ngoài trời. Tổng số tiền vay là 14.200.000.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/ lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có và các biện pháp bảo đảm bổ sung, thay thế.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì theo:

Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 14/DN-ĐB/ĐTDA ký ngày 26/08/2014 có tổng số tiền vay là 120 tỷ đồng. Mục đích vay: Cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư xây dựng nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tối đa là 80 tỷ đồng; Cho vay bù đắp phần vốn Công ty đã đầu tư vào nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tối đa 40 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng, thời hạn trả nợ gốc 06 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay quy định theo từng lần nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là các bất động sản và động sản thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B1 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với tổng giá trị 245.274.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ	11.261.527.070	92.633.722.597	2.307.877.071	101.587.372.596
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	13.916.564.428	11.836.360.000	-	25.752.924.428
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì	92.903.545.940	-	-	92.903.545.940
Cộng	118.081.637.438	104.470.082.597	2.307.877.071	220.243.842.964

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	10.266.344.710	20.019.649.947	50.647.174.102	240.933.168.759
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	31.999.680.000			(31.999.680.000)	-
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu		(150.000.000)	-	-	(150.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	27.258.218.197	27.258.218.197
Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(952.844.639)	(952.844.639)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	5.000.000.000	(9.694.649.463)	(4.694.649.463)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	191.999.680.000	10.116.344.710	25.019.649.947	27.258.218.197	254.393.892.854

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	191.999.680.000	160.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	10.116.344.710	10.266.344.710
Cộng	202.116.024.710	170.266.344.710

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi cổ tức trong kỳ	7.517.006.250	1.353.583.154
Cộng	7.517.006.250	1.353.583.154

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.199.968	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.199.968	16.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.199.968	16.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.199.968	16.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.199.968	16.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	35.585,48	5.007,47
Euro (EUR)	2.841,73	2.806,77

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	315.718.176.646	301.702.410.822
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	315.582.000	917.560.700
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	315.402.594.646	300.784.850.122
Các khoản giảm trừ doanh thu:	19.047.752.789	(5.024.823.850)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	18.616.717.939	(4.849.649.350)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	207.516.900	(117.228.500)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	223.517.950	(57.946.000)
Doanh thu thuần	296.670.423.857	296.677.586.972

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	295.100.167	748.977.411
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	240.317.137.624	241.983.848.038
Cộng	240.612.237.791	242.732.825.449

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	110.625.000	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	158.080.200	45.242.781
Cộng	268.705.200	45.242.781

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.570.857.920	9.922.137.034
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	95.443.742	45.117.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	135.655.873	-
Cộng	9.801.957.535	9.967.254.381

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.088.271.352	943.681.085
Chi phí khấu hao TSCĐ	55.972.602	113.481.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.841.544.084	2.316.137.872
Cộng	2.985.788.038	3.373.300.701

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.844.730.326	4.341.374.666
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.586.363	13.676.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	809.844.266	1.325.327.643
Thuế, phí và lệ phí	2.091.180	12.249.098
Chi phí dự phòng	92.965.393	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.277.538.940	2.796.062.374
Chi phí bằng tiền khác	2.508.706.610	6.600.472.595
Cộng	10.554.463.078	15.089.163.194

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán phế liệu	1.991.320.303	1.014.553.717
Thu nhập khác	105.284.762	-
Cộng	2.096.605.065	1.014.553.717

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm môi trường	50.000.000	-
Thuế GTGT bị phạt	-	753.697.326
Thuế TNDN bị phạt	-	387.418.203
Phạt chậm nộp BHXH	14.712.860	46.517.994
Cộng	64.712.860	1.187.633.523

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.016.574.820	25.387.206.222
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	248.682.557	1.187.633.523
- Các khoản điều chỉnh tăng	248.682.557	1.187.633.523
Thuế bị truy thu, bị phạt	-	1.141.115.529
Khấu hao tài sản cố định loại trừ	183.969.697	-
Phạt vi phạm hành chính	50.000.000	-
Phạt chậm nộp bảo hiểm	14.712.860	46.517.994
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	35.265.257.377	26.574.839.745
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	7.758.356.623	5.846.464.744
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.758.356.623	5.846.464.744

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.258.218.197	19.540.741.478
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.823.747.051)	(2.823.747.051)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.823.747.051)	(2.823.747.051)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.434.471.146	16.716.994.427
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.199.968	10.994.068
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.273	1.521

(*): Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 6 tháng đầu năm 2015 được xác định bằng 50% tổng số quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành đã trích lập theo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 09 tháng 05 năm 2015.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	16.000.000	7.794.100
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế	3.199.968	3.199.968
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.199.968	10.994.068

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Kỳ này
Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay ngắn hạn	26.374.688
Cộng	26.374.688

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	1.330.710.000	1.174.864.200
Cộng	1.330.710.000	1.174.864.200

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong kỳ công ty phát sinh các chi phí lãi vay đã vốn hóa như sau:

	Kỳ này
Vốn hóa chi phí lãi vay cho các khoản vay riêng biệt	2.548.548.419
Cộng	2.548.548.419

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần CMC là sản xuất gạch men các loại. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.321.685.585	151.788.198.664	19.321.685.585	151.788.198.664
Phải thu khách hàng	20.655.712.601	12.686.151.268	20.655.712.601	12.686.151.268
Các khoản phải thu khác	3.076.499.647	1.697.641.718	3.076.499.647	1.697.641.718
Cộng	43.053.897.833	166.171.991.650	43.053.897.833	166.171.991.650
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	138.491.929.832	83.072.308.413	138.491.929.832	83.072.308.413
Vay và nợ	357.708.033.986	295.276.588.987	357.708.033.986	295.276.588.987
Các khoản phải trả khác	16.760.979.396	19.164.386.441	16.760.979.396	19.164.386.441
Cộng	512.960.943.214	397.513.283.841	512.960.943.214	397.513.283.841

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.18; V.20). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị còn lại sổ sách
Số cuối kỳ	
Nhà cửa, vật kiến trúc	57.405.536.510
Máy móc thiết bị	143.469.687.367
Thiết bị dụng cụ quản lý	380.601.988
Phương tiện vận tải	452.700.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (nhà máy CMC 2)	183.983.622.287
Cộng	385.692.148.152

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	138.491.929.832	-	-	138.491.929.832
Vay và nợ	137.464.191.022	220.243.842.964	-	357.708.033.986
Các khoản phải trả khác	16.674.579.396	86.400.000	-	16.760.979.396
Cộng	292.630.700.250	220.330.242.964	-	512.960.943.214
Số đầu năm				
Phải trả người bán	83.072.308.413	-	-	83.072.308.413
Vay và nợ	177.194.951.549	118.081.637.438	-	295.276.588.987
Các khoản phải trả khác	19.077.986.441	86.400.000	-	19.164.386.441
Cộng	279.345.246.403	118.168.037.438	-	397.513.283.841

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (nay là Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt).

Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này.

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" được điều chỉnh lại như sau (xem thuyết minh VI.10):

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã soát xét năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.507	1.521

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng Cân đối Kế toán tổng hợp giữa niên độ đã được Công ty phân loại lại cho phù hợp với hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính. Cụ thể:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ				
Hàng tồn kho	141	180.593.834.859	(1.324.124.319)	179.269.710.540
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	1.324.124.319	1.324.124.319
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	441.167.983	2.439.536.595	2.880.704.578
Phải trả ngắn hạn khác	319	10.008.967.423	(2.439.536.595)	7.569.430.828
Quỹ đầu tư phát triển	418	17.573.514.500	2.446.135.447	20.019.649.947
Quỹ dự phòng tài chính		2.446.135.447	(2.446.135.447)	-

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn
Công ty Xây dựng 25- TCT	309.043.946	309.043.946	Quá hạn trên 3 năm	309.043.946	309.043.946	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Trang Tâm	85.168.100	85.168.100	Quá hạn trên 3 năm	85.168.100	85.168.100	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Nhân Hòa	110.815.974	110.815.974	Quá hạn trên 3 năm	110.815.974	110.815.974	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Ngọc Bích	85.083.900	85.083.900	Quá hạn trên 3 năm	85.083.900	85.083.900	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Hoàng Cường	34.980.550	34.980.550	Quá hạn trên 3 năm	34.980.550	34.980.550	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Xây dựng số 1- Tổng Sông Hồng	584.352.672	584.352.672	Quá hạn trên 3 năm	584.352.672	584.352.672	Quá hạn trên 3 năm
Tổng Công ty Sông Hồng	694.740.506	543.150.502	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	694.740.506	543.150.502	Quá hạn từ 2 đến 3 năm
Công ty TNHH MTV Trung Tín Quảng Ninh	24.942.700	17.459.890	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	24.942.700	12.471.350	Quá hạn từ 1 đến 2 năm
Cửa hàng Thịnh Bán	11.471.869	8.030.308	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	11.471.869	5.735.935	Quá hạn từ 1 đến 2 năm
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	418.982.500	293.287.750	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	418.982.500	209.491.250	Quá hạn từ 1 đến 2 năm
Cửa hàng Nguyễn Thái Sơn	1.829.000	1.280.300	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	1.829.000	914.500	Quá hạn từ 1 đến 2 năm
Công ty TNHH TTTM Ngọc Trường- Bắc Ninh	7.600.900	5.320.630	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	7.600.900	3.800.450	Quá hạn từ 1 đến 2 năm
Đối tượng khác	72.055.210	72.055.210	Quá hạn trên 3 năm	72.055.210	72.055.210	Quá hạn trên 3 năm
	2.441.067.827	2.150.029.732		2.441.067.827	2.057.064.339	